

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2025
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thành Viên

bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Gia Hưng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1217/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M (VID); địa chỉ: Tầng B, Số H đường C, phường B (phường B, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng A, Số A, Đường số A, Khu đô thị V, phường H (phường H, thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Koshelev V, chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thùy D, chức vụ: Trợ lý pháp lý (*Văn bản ủy quyền giữa ông Koshelev V và bà Nguyễn Thị Thùy D*), (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1981; địa chỉ: C N, phường H (Phường C, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2024, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án và các bản sao kê, nguyên đơn là Công ty TNHH M (VID) (sau đây gọi tắt là Công ty) do bà Nguyễn Thị Thùy D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/10/2009, ông Nguyễn Trọng T và Công ty TNHH Một thành viên T1 (nay đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên S), có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10133933 về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Trọng T với khoản vay trị giá 65.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 2.08%/tháng, lãi phạt bằng 150% lãi suất, nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ, phương thức vay là tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 09/9/2022, Công ty TNHH Một thành viên S ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty TNHH M. Theo thỏa thuận, Công ty TNHH Một thành viên S đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10133933 của người bị kiện. sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty TNHH M có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của người bị kiện đã được chuyển nhượng sang cho Công ty TNHH M, mặc dù Công ty TNHH M đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu người bị kiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay người bị kiện thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Tính đến ngày 16/7/2025, tổng số tiền mà người bị kiện còn nợ Công ty TNHH M là: 211.228.414 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng) bao toàn bộ nợ gốc và lãi.

Công ty yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán một lần tổng số tiền là: 211.228.414 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 43.890.700 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.182.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.155.323 đồng.

Kể từ sau 17/7/2025, Công ty không yêu cầu ông T phải tiếp tục chịu các khoản tiền phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn không tới Tòa án để tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Các chứng cứ về giao dịch vay tiền của ông T đối với bên vay đã rõ, ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông Nguyễn Trọng T phải thanh toán cho Công ty TNHH M (V1) tổng số tiền nợ là: 211.228.414 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 43.890.700 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.182.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.155.323 đồng. Sau ngày 17/7/2025, ông T không phải trả chịu lãi phát sinh của khoản tiền trên theo như nguyên đơn trình bày.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 05/10/2009, ông Nguyễn Trọng T có ký với Công ty TNHH Một thành viên T1 (nay đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên S) Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10133933. Do đó, có cơ sở xác định giữa ông T và Công ty TNHH Một thành viên T1 (nay đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên S) có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông T không trả tiền vay nên Công ty TNHH M (VID) (sau đây gọi tắt là Công ty) là bên có quyền đòi nợ khởi kiện; quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T có nơi cư trú cuối cùng tại C N, phường H (Phường C, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông T tới Tòa án để giải quyết vụ án. Do ông T không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của ông T và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết: buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán một lần tổng số tiền là: 211.228.414 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 43.890.700 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.182.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.155.323 đồng.

Kể từ sau 17/7/2025, Công ty không yêu cầu ông T phải tiếp tục chịu các khoản tiền phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ*

chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận; Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, nhận thấy yêu cầu của Công ty là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất:

Chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Trọng T phải trả Công ty tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 10133933 ngày 05/10/2009, tính đến ngày 16 tháng 7 năm 2025 tổng số tiền nợ là: 211.228.414 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 43.890.700 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.182.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.155.323 đồng. Sau ngày 17/7/2025, ông T không phải trả chịu lãi phát sinh của khoản tiền trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.561.421 đ (mười triệu năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm hai mươi một đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH M (V1) số tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0014930 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự số năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Trọng T phải trả Công ty TNHH M (V1) tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 10133933 ngày 05/10/2009, tính đến ngày 16 tháng 7 năm 2025 tổng số tiền nợ là: 211.228.414 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 43.890.700

đồng, nợ lãi trong hạn là 22.182.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 145.155.323 đồng. Sau ngày 17/7/2025, ông T không phải trả chịu lãi phát sinh của khoản tiền trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.561.421 đ (mười triệu năm trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm hai mươi một đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH M (V1) số tiền 5.000.000 đ (năm triệu đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0014930 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV7 - TPHCM
- THA DS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thế Viễn